



zhèng zhōng

正中

noun · center; exactly in the middle

Example Sentences

Jiàn shè zhòng le bǎ zi de zhèng zhōng

箭射中了靶子的正中。

The arrow hit the center of the target.

Zhuō zi zhèng zhōng fàng zhe yī píng huā

桌子正中放着一瓶花。

There is a vase of flowers in the center of the table.

Trace each character, then write the word on your own.

正	正	正	正	正	正	正	正												

中	中	中	中	中	中	中													
